TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HS-PT
Ngày: 20/11/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường

Ông Hà Chí Quốc

- *Thư ký phiên tòa*: ông Lê Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Út Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2024/TLPT-HS, ngày 04 tháng 10 năm 2024, đối bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D và đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST, ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1991, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị Ngọc T1; có chồng: không xác định được và 02 người con sinh năm 2016 và 2024; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2024 đến nay (có mặt).

2. Lê Tuấn V, sinh năm 1998, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thu T3; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2024 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo V: Luật sư Phạm Quốc T4 thuộc Công ty TNHH MTV S, Đoàn Luật sư tỉnh T9, có mặt.

3. Nguyễn Đức Thành L (T2), sinh năm 1994, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Đức C (chết) và bà Nguyễn Ngọc Á; có vợ là Nguyễn Thái T5 và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/9/2014, bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt ngày 04/6/2017, đã được xoá án tích; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2024 đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Vũ K, sinh năm 2001, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang V1 và bà Phạm Thị H; tiền án: Tại Bản án số 02/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã căn cứ điển d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt ngày 07/10/2022, chưa được xoá án tích; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2024 đến nay (có mặt).

Ngoài ra còn có các bị cáo, đương sự khác không kháng cáo Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/7/2023, Nguyễn Thị Ngọc D nghe bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là mẹ ruột của D kể lại sự việc chị Phan Thị T6 có quan hệ bất chính với ông Nguyễn Trung T là chồng của bà T1 và điện thoại hăm doạ đánh bà T1. Nên trưa cùng ngày, D điện thoại rủ Nguyễn Văn C1 đi đến xã S, huyện T để gặp chị T6 giải quyết mâu thuẫn thì C1 đồng ý.

C1 điện thoại rủ thêm Nguyễn Trung V2, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Văn Q, Lê Tuấn V cùng đi, nếu có xảy ra đánh nhau thì hỗ trợ thì tất cả đồng ý. C1 điều khiển xe ô tô biển số 70A-423.81 chở theo V2, L1, N, Q, V. C1 mang theo 01 bình xịt hơi cay để trên xe ô tô, L1 cầm theo 02 ná bằng kim loại và 01 chùm viên bi sắt cất giấu trong người để phòng thân. C1 chở cả nhóm đi đến nhà của D tại Khu phố H, phường H, thị xã H như đã hẹn. Khi đến nhà của D, C1 qua xe ô tô biển số 70A-395.00 của D điều khiển chở D đi, V2 lái xe ô tô của C1 chở L1, N, Q, V, cả nhóm gồm 07 người cùng nhau di chuyển đến xã S, huyện T.

Trong quá trình đi đến huyện T, C1 điện thoại rủ thêm Nguyễn Văn Q1 và kêu Q1 rủ thêm người đi cùng với nhóm của C1 để khi có xảy ra sự việc đánh nhau thì hỗ trợ nhau đánh lại thì Q1 đồng ý. Q1 điện thoại rủ Lê Thành N1, đồng thời Q1 kêu N1 rủ thêm người đi chung và hẹn nhau ở khu vực ngã ba cây số 18 thuộc xã S, huyện T thì N1 đồng ý. Sau đó, N1 điện thoại rủ thêm Phạm Quốc H1, Trần Thanh N2, Nguyễn Vũ K, Bùi Văn H2, Nguyễn Đức Thành L, Lê Vĩnh T7 đi cùng để khi có sự việc đánh nhau thì cùng nhau hỗ trợ đánh lại thì tất cả đồng ý. N1 chở H1 bằng xe mô tô của N1, N2 chở T7 bằng xe mô tô của N2, K chở H2 bằng xe mô tô của K, L điều khiển xe mô tô của H1 đi một mình, Q1 điều khiển xe mô mô đi một mình. Khi nhóm của D, C1 điều khiển xe chạy đến gần khu vực nhà máy mì

“N” thì gặp nhóm của N1 đang ngồi chờ; tất cả nhập lại rồi cùng nhau đi về hướng ngã ba B thuộc xã S để tìm chị T6.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm của D đi ngang qua quán cà phê “M" thuộc ấp A, xã S, huyện T thì D phát hiện chị T6 đang ngồi uống cà phê với ông T (cha ruột của D) nên D kêu nhóm của Q1 và N1 vào quán ngồi giám sát bà T6 trước, nhóm của D và C1 sẽ vào sau. Sau đó, nhóm của Q1 chạy đến quán cà phê nói trên thì dựng xe trước sân rồi vào quán kêu nước uống ngồi giám sát chị T6. Khoảng 05 phút sau, nhóm của D và C1 đến và dừng xe ô tô ở phía bên đường đối diện quán cà phê “M”. D, L1, V, N và Q xuống xe ô tô đi bộ vào bên trong quán, V2 và C1 ngồi trên xe ô tô chờ. Khi đi vào trong quán cà phê L1 cầm theo 02 ná thun và 01 chùm viên bi sắt, V cầm theo 01 bình xịt hơi cay, cả nhóm đi đến chỗ chị T6 đang ngồi uống cà phê cùng anh Phan Văn K1 và ông T. D đi đến đứng gần chị T6, còn N, Q, V, L1, Q1, N1 và H1 thì đứng vây quanh chị T6, anh K1 và ông T. Lúc này Q1 đến giữ tay và nắm tóc của chị T6 để cho D hỏi chị T6 “bà phải bồ của ba tui không” thì chị T6 nói “Không phải”. D chỉ tay về phía xe mô tô SH mode của chị T6 và hỏi “xe này của bà phải không”, chị T6 trả lời “không phải” thì bị D dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt của chị T6, thấy vậy Q1 cũng dùng tay đánh nhiều cái vào dùng mặt và mắt gây thương tích. Thấy D và Q1 đánh chị T6 thì anh K1 và ông Thới định can ngăn nhưng bị nhóm của D ngăn lại và đồng thời dùng tay đánh anh K1 và ông T. Khi thấy đánh nhau, bà Nguyễn Thị Tuyết N3 là chủ quán cà phê “Mộc An” lấy điện thoại báo Công an thì bị nhóm của D đánh vào vùng đầu và H1 xô đẩy bà N3 vào trong quầy pha chế, hăm doạ yêu cầu bà N3 cất điện thoại không được báo Công an.

Trong lúc đánh nhau, C1 cũng đi vào trong quán cà phê dùng tay đánh nhiều cái vào người anh K1 và ông T. Riêng T7, H2, N2, L và K đứng bên cạnh hỗ trợ tinh thần không tham gia đánh nhau. Khi nghe tin có sự việc đánh nhau, ông Nguyễn Trung Q2 nhà bên cạnh quán “M” là tuần tra nhân dân xã S chạy đến định can ngăn thì bị Q1 cầm gạch ném nhưng không trúng và bị L1 sử dụng ná thun bằng kim loại gắn bi sắt bắn trúng vào cánh tay phải của ông Q2 gây thương tích làm ông Q2 bỏ chạy. Sau khi gây thương tích xong cả nhóm của D lên xe tẩu thoát, ông Q2 và anh K1 đến Trung tâm Y tế huyện T để sơ cứu và có đơn trình báo sự việc.

Kết luận giám định thể hiện: anh Phan Quốc K2 thương tích 03%; ông Nguyễn Trung Q2 thương tích 02%; chị Phan Thị T6 thương tích 06%. Anh K2, ông Q2 và chị T6 không yêu cầu xử lý hình sự đối với D cùng đồng phạm về hành vi Cố ý gây thương tích.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quang Q3, Phạm Quốc H1, Lê Tuấn V, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Đức Thành L, Nguyễn Trung V2, Nguyễn Văn L1, Lê Vĩnh T7, Bùi Văn H2, Lê Thành N1, Trần Thanh N2 và Nguyễn Vũ K đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình gây ra.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Tuấn V 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ K 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Thành L (Tèo) 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo khác; các biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/8/2024, bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo mới sinh con; một mình nuôi 02 con nhỏ.

Ngày 12/8/2024, bị cáo K, L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo V kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo V trình bày: bị cáo tham gia với vai trò đi theo, chưa có hành vi nào la hét, đánh người hay phá tài sản; có nhân thân tốt như các bị cáo được hưởng án treo khác, nhưng lại không được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự là có phần chưa công bằng giữa các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, vai trò và nhân thân của bị cáo cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án hình sư sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo D: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình; do bị cáo thương mẹ, bị cha cáo bỏ rơi nên bị cáo không suy nghĩ làm sai; mong Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiện bị cáo mới sinh con.

- Bị cáo K: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình; mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo L: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình; mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo V: Bị cáo hối hận về hành vi của mình, bị cáo chỉ đi theo, chưa có hành vi gì, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên án ngày 30-7-2024; các bị cáo làm đơn kháng cáo ngày 05/8/2024 và ngày 12/8/2024, kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Do nghi ngờ chị Phan Thị T6 có quan hệ tình cảm với cha của mình nên ngày 10/7/2023, Nguyễn Thị Ngọc D rủ Nguyễn Văn C1; rồi C1 rủ Lê Tuấn V, Nguyễn Đức Thành L, Nguyễn Vũ K và 10 bị cáo khác đến ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh để gặp chị Phan Thị T6 đánh ghen. Nhóm của D đã dùng tay đánh chị T6 và một số người ngồi chung với chị T6. Trong quá trình đuổi đánh chị T6 và những người đi chung với chị T6, các bị cáo có hành vi la hét, chửi mắng, doạ nạt, ném gạch, náo loạn cả khu vực đông dân cư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng; làm cho người dân sống xung quanh hoang mang lo sợ, gây bức xúc cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo; áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phạt bị cáo D mức án 02 năm 06 tháng tù; các bị cáo K, L, V mỗi bị cáo 02 năm tù là phù hợp.

Tuy nhiên, bị cáo D bản thân là nữ, mới sinh con; hiện một mình nuôi 02 con nhỏ, nên xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, nuôi con nhỏ.

Bị cáo V tham gia với vai trò giúp sức, đi theo C1; không tham gia ẩu đả; chỉ đứng ngoài; phạm tội lần đầu; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năm hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa.

Bị cáo L và K mặc dù tham gia với vai trò giúp sức, đi theo, nhưng bị cáo L có nhân thân xấu, năm 2014 đã bị Tòa án nhân dân huyện T xét xử về tội Cố ý gây thương tích; còn bị cáo K có tiền án, năm 2020 cũng bị Tòa án nhân dân Tân Châu xét xử về tội Cố ý gây thương tích. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo. Do đó, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo L và bị cáo K không được chấp nhận nên hai bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo D và bị cáo V được chấp nhận nên hai bị cáo không phải phải chịu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D và bị cáo Lê Tuấn V; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Thành L (Tèo) và bị cáo Nguyễn Vũ K; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ K 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 va khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Thành L (T2) 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Tuấn V 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo về tội "Gây rối trật tự công cộng"; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách bị cáo T8 thay đổi nơi cư trú phải thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo D, V không phải chịu. Các bị cáo L, K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- Vụ 1 – TANDTC;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TN;
- Phòng PV06 CA tỉnh TN;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- Lưu HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Văn Thinh